

Số: /QĐ-VP

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống Công nghệ thông tin Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công báo và Tin học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống Công nghệ thông tin của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 102/QĐ-VP ngày 19/12/2007 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng, khai thác Mạng nội bộ Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Công chức, viên chức, người lao động Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, CBTH.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Quốc Đạt

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng

Hệ thống Công nghệ thông tin Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-VP ngày /12/2020
của Chánh Văn phòng UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống Công nghệ thông tin Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi.
2. Quy chế này được áp dụng đối các công chức, viên chức, người lao động Văn phòng UBND tỉnh (CCVC-NLĐ) sử dụng máy tính, thiết bị điện tử kết nối với Hệ thống Công nghệ thông tin tại nơi làm việc.
3. Quy chế này không áp dụng đối với các máy dự thảo văn bản mật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống Công nghệ thông tin Văn phòng UBND tỉnh (Hệ thống CNTT) bao gồm: Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh (TTTHDL), Hệ thống mạng Wifi, Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, các phần mềm hệ thống bao gồm: Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung (IOffice), Quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, Công báo điện tử, Hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh, Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến, các tài nguyên dùng chung phục vụ công việc.
2. Máy trạm: Là các máy tính tại nơi làm việc, thiết bị điện tử của CCVC-NLĐ kết nối với Hệ thống CNTT
3. Máy chủ: Là hệ thống các máy tính đặt tại TTTHDL.

Điều 3. Chức năng của Hệ thống CNTT

1. Mô hình Hệ thống CNTT là mạng liên kết máy trạm với máy chủ tại TTTHDL nhằm hỗ trợ CCVC-NLĐ thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Cung cấp, chia sẻ các tài nguyên dùng chung như: Các phần mềm hệ thống, ứng dụng, cơ sở dữ liệu, máy in, lưu trữ thông tin.
3. Trao đổi tập tin, thư điện tử nhằm hỗ trợ, cung cấp thông tin cần thiết phục vụ công việc (trừ văn bản mật).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CNTT

Điều 4. Quản lý, vận hành Hệ thống CNTT

1. Trung tâm Công báo và Tin học là đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống CNTT.
2. Trung tâm Công báo và Tin học chịu trách nhiệm:
 - a) Quản lý đường truyền, các thiết bị tin học và mọi hoạt động khai thác trong Hệ thống CNTT.
 - b) Quản lý các phần mềm hệ thống, các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; phòng, chống Virus trong Hệ thống CNTT.
 - c) Quản lý, nghiên cứu các biện pháp bảo vệ an toàn cho Hệ thống CNTT, phân quyền truy nhập của người sử dụng Hệ thống CNTT; bảo mật dữ liệu, thông tin cá nhân của người dùng.
 - d) Đảm bảo Hệ thống CNTT kết nối thông suốt, hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật các thông tin truyền dẫn, đảm bảo kết nối thông suốt giữa Hệ thống CNTT với các Hệ thống CNTT khác trong mạng WAN của tỉnh.
 - đ) Quản trị các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu trên Hệ thống CNTT, quản lý việc cập nhật, bổ sung mới dữ liệu, bảo mật, sao lưu dữ liệu, phân quyền khai thác dữ liệu cho CCVC-NLĐ theo quyết định của lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.
 - e) Lập và thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành, thay thế, bổ sung các thiết bị trên mạng; nâng cấp thiết bị, phát triển, mở rộng các ứng dụng trên Hệ thống CNTT.
 - g) Các thông tin, dữ liệu lưu giữ trên Hệ thống CNTT phải được định kỳ sao chép trên các thiết bị lưu giữ thông tin và quản lý theo quy chế lưu trữ hiện hành của nhà nước tại Trung tâm Công báo và Tin học.

Điều 5. Quy định khai thác và sử dụng Hệ thống CNTT

1. CCVC-NLĐ được quyền khai thác các tài nguyên dùng chung trên Hệ thống CNTT như: Các phần mềm hệ thống, máy in, Internet, các thông tin và dịch vụ khác của TTTHDL theo đúng quy định của Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Công báo và Tin học phân quyền truy nhập thông tin.
2. CCVC-NLĐ sử dụng máy trạm có trách nhiệm sau:
 - a) Tuân thủ các biện pháp phòng và chống virus cho máy trạm, đảm bảo an toàn dữ liệu thuộc cá nhân quản lý. Mọi dữ liệu từ các thiết bị lưu trữ bên ngoài đều phải được quét, diệt virus mỗi khi đưa vào máy.
 - b) Không truy cập vào các đường dẫn không rõ ràng; không kích chọn vào các đường dẫn, tải về các tập tin tài liệu từ các địa chỉ thư điện tử không nắm rõ thông tin, địa chỉ người gửi.
 - c) Cài đặt mật khẩu đăng nhập, truy cập các phần mềm hệ thống phải có độ phức tạp cao (có độ dài tối thiểu 8 ký tự, có ký tự thường, ký tự hoa, ký tự số hoặc ký tự đặc biệt như !, @, #, \$, %, ...), không để lộ mật khẩu truy cập

vào các phần mềm hệ thống của mình cho người khác; không chia sẻ tài nguyên, tài khoản, mật khẩu dùng chung của cơ quan cho người khác.

d) Trong trao đổi thông tin, dữ liệu phục vụ công việc phải sử dụng Hệ thống Thư điện tử công vụ, Phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung. Không sử dụng các trang mạng xã hội, các dịch vụ thư điện tử công cộng (không phải Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh) để trao đổi thông tin liên quan đến công việc chuyên môn của cơ quan, trừ khi được lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh cho phép do đặc thù công việc.

đ) Không được can thiệp vào phần cứng của các thiết bị tin học, kể cả các thiết bị giao cá nhân quản lý, sử dụng. Không tự ý cài đặt, xoá bỏ, sao chép hoặc chỉnh sửa các phần mềm, cơ sở dữ liệu trên máy trạm khi không được sự đồng ý của Trung tâm Công báo và Tin học.

e) Trong quá trình sử dụng máy trạm và các thiết bị tin học tại nơi làm việc nếu xảy ra sự cố do hư hỏng trang thiết bị, do lỗi của các phần mềm hệ thống, cơ sở dữ liệu dùng chung thì phải ghi lại diễn biến, hiện trạng, mô tả sự cố và thông tin cho Trung tâm Công báo và Tin học biết để tham mưu xử lý.

Điều 6. Những hành vi không được làm trong sử dụng Hệ thống CNTT

1. Xuyên nhập, sửa đổi, xoá bỏ nội dung thông tin của cơ quan, cá nhân khác trái pháp luật.

2. Tạo ra, cài đặt, phát tán phần mềm độc hại.

3. Cản trở hoạt động cung cấp dịch vụ của hệ thống thông tin.

4. Ngăn chặn việc truy nhập đến thông tin của cơ quan, cá nhân khác trên môi trường mạng, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

5. Bẻ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của cơ quan, cá nhân khác trên môi trường mạng.

6. Tự ý lắp đặt các thiết bị phát sóng Wifi vào mạng máy tính của cơ quan và lắp đặt các thiết bị tiếp sóng Wifi trên máy tính có kết nối Hệ thống CNTT để truy cập mạng wifi ngoài khi chưa được phê duyệt của lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.

7. Các hành vi khác làm mất an toàn, an ninh thông tin, bí mật của cơ quan, cá nhân khác được trao đổi, truyền đưa, lưu trữ trên môi trường mạng.

8. Lợi dụng việc sử dụng Internet nhằm mục đích: Chống lại nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; kích động bạo lực, đòi truy, tệt nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc.

9. Tiết lộ bí mật nhà nước và các bí mật khác đã được pháp luật quy định.

10. Chơi các trò chơi trực tuyến (game online) hoặc các trò chơi khác trên Internet trong giờ làm việc.

11. Truy cập hoặc tải các trang website có nội dung đòi truy, phản động, các chương trình không rõ nguồn gốc, các thông tin quảng cáo hấp dẫn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trung tâm Công báo và Tin học chịu trách nhiệm tham mưu, giúp lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện Quy chế này nhằm đảm bảo sự hoạt động thông suốt và an toàn, an ninh thông tin trên Hệ thống CNTT.

2. Đơn vị, cá nhân nào vi phạm Quy chế này làm thiệt hại đến tài sản, thiết bị, phần mềm, dữ liệu thông tin trên Hệ thống CNTT sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật tùy theo mức độ thiệt hại do vi phạm gây ra.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những bất cập, không phù hợp, các đơn vị, cá nhân phản ánh, báo cáo thông qua Trung tâm Công báo và Tin học để tổng hợp, đề xuất lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.